

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH L**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 10-7-2023
*“V/v tranh chấp ly hôn và yêu cầu hủy
kết hôn trái pháp luật”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH L**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Tuyết

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Tâm

Bà Nguyễn Lệ Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2022/TLST- HNGĐ ngày 18/10/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn và yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXX-ST ngày 21/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Ú Văn C, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ 23, phường Đông P, thành phố L, tỉnh L. Nghề nghiệp: lao động tự do. Vắng mặt tại phiên tòa, có lý do.

- *Bị đơn:* Chị Vàng Thị H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 23, phường Đông P, thành phố L, tỉnh L. Nghề nghiệp: lao động tự do Có mặt tại phiên tòa

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân phường Quyết T, thành phố L, tỉnh L;

Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Chí Tình – Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Quyết T, thành phố L, tỉnh L. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Ú Văn C trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* anh và chị Vàng Thị H về chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 22/3/2004 tại UBND xã Nậm L1, huyện Tam Đường nay là Ủy ban nhân dân phường Quyết T, thành phố L, tỉnh L. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Trong quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị H không chung thủy dẫn tới việc vợ chồng thường xuyên tranh cãi, bất đồng quan điểm sống. Hiện nay anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh C đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án cho anh ly hôn với chị Vàng Thị H. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh C khai rằng tại thời điểm đăng ký kết hôn anh chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (nam phải từ đủ 20 tuổi trở lên nên anh đã kê khai sinh năm 1984, nhưng thực tế anh sinh năm 1986. Việc anh khai tăng tuổi như vậy khi đăng ký kết hôn là để đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn, còn thực tế anh sinh năm 1986 chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và khi đi đăng ký kết hôn anh không xuất trình giấy tờ gì để chứng minh về độ tuổi.

- *Về con chung:* anh Ú Văn C và chị Vàng Thị H có 02 con chung tên là Ú Thị T, sinh ngày 09/01/2005 và Ú Anh Q, sinh ngày 03/02/2007. Thời điểm làm đơn xin ly hôn do cháu Ú Thị T1 chưa đủ 18 tuổi nên nguyện vọng của anh Ú Văn C là muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 02 con chung cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung:* anh Ú Văn C và chị Vàng Thị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Vàng Thị H trình bày:* Chị và anh Ú Văn C về chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 22/3/2004 tại UBND xã Nậm L1, huyện Tam Đường nay là Ủy ban nhân dân phường Quyết T, thành phố L, tỉnh L. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 6 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cũng có khá nhiều bất hòa trong cuộc sống gia đình. Về đăng ký kết hôn, chị H cũng thừa nhận tại thời điểm đăng ký kết hôn do anh C chưa đủ tuổi kết hôn nên đã khai tăng tuổi, còn thực tế anh C chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và khi đi đăng ký kết hôn anh chị không xuất trình giấy tờ gì để chứng minh về độ tuổi. Hiện nay chị và anh C đã sống ly thân mỗi người một nơi, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, Vì vậy, anh C đề nghị ly hôn, chị H nhất trí.

- *Về con chung:* anh Ú Văn C và chị Vàng Thị H có 02 con chung tên là Ú Thị T1, sinh ngày 09/01/2005 và Ú Anh Q, sinh ngày 03/02/2007. Hiện

tại 02 con chung đang ở với anh C. Sau khi anh chị không còn là vợ chồng nữa, nguyện vọng của chị muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Ú Thị T1, sinh ngày 09/01/2005 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và giao cháu Ú Anh Q, sinh ngày 03/02/2007 cho anh Ú Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Tuy nhiên, đến nay cháu T1 đã đủ 18 tuổi, có thể tự lao động để nuôi sống bản thân nhưng hiện tại cháu chưa có thu nhập ổn định nên chị vẫn sẽ có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu.

- *Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung*: Chị và anh Ú Văn C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Lời khai của hai cháu Ú Thị T1 và cháu Ú Anh Q đều có nguyện vọng được ở với bố.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ủy ban nhân dân phường Quyết T thành phố L, tỉnh L trình bày ý kiến như sau: Ủy ban nhân dân phường Quyết T thành phố L, tỉnh L đã tiến hành kiểm tra, rà soát sổ đăng ký kết hôn trước năm 2005 thì toàn bộ sổ đăng ký kết hôn được lưu trữ tại Phòng Tư pháp thành phố L, hoặc tại Phòng Tư pháp huyện Tam Đường (mới) theo chia tách địa giới hành chính. Đối với hồ sơ yêu cầu đăng ký kết hôn của anh Ú Văn C và chị Vàng Thị H hiện không còn lưu trữ tại Ủy ban nhân dân phường. Theo Giấy chứng nhận kết hôn mà anh Ú Văn C cung cấp, tại thời điểm đăng ký kết hôn anh C chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (nam phải từ đủ 20 tuổi trở lên nên anh đã kê khai sinh năm 1984, nhưng thực tế anh C sinh năm 1986 là chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Do đó, đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Ú Văn C và chị Vàng Thị H theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tại Phòng Tư pháp thành phố và Phòng Tư pháp huyện Tam Đường đều không có thông tin đăng ký kết hôn của hai công dân là anh Ú Văn C và chị Vàng Thị H trong sổ đăng ký kết hôn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L có ý kiến về thủ tục tố tụng như sau: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán được phân công. Tiến hành thụ lý vụ án đúng trình tự, thủ tục và gửi thông báo thụ lý vụ án đúng thời hạn quy định; xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; thu thập chứng cứ khách quan, công khai; ra quyết định xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo. Hội đồng xét xử đã xét xử vụ án đúng nguyên tắc, thành phần. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 29, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 9 Luật hôn nhân & gia đình năm 2000; Điều 10,11,12, 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TLLT- TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 H dẫn thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Ú Văn C và yêu cầu độc lập của Ủy ban nhân dân phường Quyết T thành phố L, tỉnh L: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Ú Văn C và chị Vàng Thị H theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/3/2004 của Ủy ban nhân dân xã Nậm L1, huyện Tam Đ, tỉnh L, nay là Ủy ban nhân dân phường Quyết T, thành phố L, tỉnh L.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Ú Anh Q, sinh ngày 03/02/2007 cho anh Ú Văn C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung cho đến khi chung thành niên (đủ 18 tuổi). Còn đối với con chung là cháu Ú Thị T1, sinh ngày 09/01/2004, tính đến ngày xét xử đã đủ 18 tuổi, nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi hủy kết hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Ú Văn C không yêu cầu chị Vàng Thị H cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Ú Văn C và chị Vàng Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: anh Ú Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Ú Văn C và chị Vàng Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 23, phường Đông P, thành phố L, tỉnh L. Căn cứ khoản 1, khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L.

Tại phiên tòa, anh Ú văn C và Ủy ban nhân dân phường Quyết T, thành phố L, tỉnh L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ủy ban nhân dân phường Quyết T, thành phố L, tỉnh L và anh Ú Văn C.

[2] Về yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Ú Văn C và yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật Ủy ban nhân dân phường Quyết T, thành phố L, tỉnh L: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung

cấp và do Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định Anh Ú Văn C và chị Vàng Thị H kết hôn với nhau tự nguyện và có Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/03/2004 do Ủy ban nhân dân xã Nậm L1, huyện Tam Đường, tỉnh L, nay là Ủy ban nhân dân phường Quyết T, thành phố L, tỉnh L cấp. Tuy nhiên, tại giấy CMTND và các giấy khai sinh các con của anh Ú Văn C đều thể hiện anh C sinh ngày 15/02/1986. Như vậy thông tin về năm sinh của C trong Giấy chứng nhận kết hôn là không đúng và anh chị cũng đều thừa nhận khi làm thủ tục đăng ký kết hôn do anh C chưa đủ tuổi kết hôn nên đã khai tăng độ tuổi là sinh năm 1984 để đủ tuổi đăng ký kết hôn và anh chị cũng đều thừa nhận khi đi đăng ký kết hôn anh chị không xuất trình giấy tờ gì để chứng minh về độ tuổi. Tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 22/3/2004 anh C mới 18 tuổi 01 tháng 07 ngày chưa đủ tuổi kết hôn, thuộc trường hợp kết hôn trái pháp luật, vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Mặt khác, quá trình chung sống hai bên thừa nhận do mâu thuẫn vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, hiện nay anh C và chị H đã sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Ú Văn C và yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Ú Văn C và chị Vàng Thị H là phù hợp với các Điều 10, 11, 12 và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TLLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 H dẫn thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về hậu quả của việc hủy kết hôn trái pháp luật: Khi việc hủy kết hôn trái pháp luật bị hủy thì anh Ú Văn C và chị Vàng Thị H phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

[4] Về con chung: Anh Ú Văn C và chị Vàng Thị H có 02 con chung là Ú Thị T1, sinh ngày 09/01/2005 và Ú Anh Q, sinh ngày 03/02/2007. Hiện nay hai con chung đang ở với chị H.

Nguyên vọng của anh C muốn được nuôi con chung là Ú Thị T1, sinh ngày 09/01/2005 và Ú Anh Q, sinh ngày 03/02/2007 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Tại phiên tòa, chị H nhất trí để anh C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Ú Anh Q, sinh ngày 03/02/2007. Xét anh C có nhà ở ổn định và vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt của con, hơn nữa cháu Quyết cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của anh C về việc nuôi con chung. Vì vậy cần giao cho anh Ú Văn C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Ú Anh Q, sinh ngày 03/02/2007 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Còn đối với con chung là Ú Thị T1, sinh ngày 09/01/2005, tính đến ngày xét xử đã trưởng thành trên 18 tuổi, nên không xem xét, giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Ú Văn C không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Ú Văn C và chị Vàng Thị H không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[6] Đối với việc đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã Nậm L1, huyện Tam Đường, tỉnh L (cũ) nay là Ủy ban nhân dân phường Quyết T, thành phố L, tỉnh L, đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh Ú Văn C và chị Vàng Thị H không đúng quy định của pháp luật. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Ú Văn C đã khai không đúng tuổi thực tế của mình để đăng ký kết hôn, nhưng Ủy ban nhân dân xã cũng không yêu cầu xuất trình giấy tờ chứng minh về độ tuổi kết hôn. Do đó, có căn cứ xác định việc Ủy ban nhân dân xã Nậm L1, huyện Tam Đường nay là Ủy ban nhân dân phường Quyết T, thành phố L, tỉnh L có lỗi trong việc đăng ký kết hôn cho anh Ú Văn C và chị Vàng Thị H về độ tuổi thực tế của anh C khi thực hiện việc đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử đề nghị Ủy ban nhân dân xã Nậm L1, huyện Tam Đ nay là Ủy ban nhân dân phường Quyết T, thành phố L, tỉnh L rút kinh nghiệm trong việc đăng ký kết hôn nêu trên, nếu có vi phạm thì xử lý theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Anh Ú Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 29, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9 Luật hôn nhân & gia đình năm 2000; Các Điều 10, 11, 12, 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TLLT- TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 H dẫn thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của anh Ú Văn C và yêu cầu độc lập của Ủy ban nhân dân phường Quyết T, thành phố L, tỉnh L

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Ú Văn C và chị Vàng Thị H theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/3/2004 của Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã Nậm L1, huyện Tam Đường, tỉnh L nay là phường Quyết T, thành phố L, tỉnh L cấp.

Anh Ú Văn C và chị Vàng Thị H phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

[2] Về con chung: Giao cho anh Ú Văn C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Ú Anh Q, sinh ngày 03/02/2007 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Ú Văn C không yêu cầu chị Vàng Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Vàng Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Ú Văn C và chị Vàng Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Ú Văn C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/00001354 ngày 18/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh L. Anh Ú Văn C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND TP. L;
- Chi cục THADS TP.L;
- UBND phường Quyết T, TP L, tỉnh L;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tòng Thị Tuyết

